

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: **26/2019/HNGĐ - ST**

Ngày 18/7/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Hoàn Kiếm

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Lê Thụy

2. Bà Trần Thị Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hán Tấn Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:*
Ông Lư Ngọc Quý, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 182/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2019; giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc X xác lập quan hệ vợ chồng năm 2009 và đến 2010 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Sau khi lấy nhau, bà và ông X sống chung với gia đình chồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn với gia đình chồng nên bà và ông X dọn ra sống riêng. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc cứ mỗi khi cãi vã thì ông X đập phá đồ đạc trong nhà làm cho bà và các con đều sợ hãi, sự việc xảy ra thường xuyên nên bà và ông X mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau nữa. Đến tháng 4 năm 2019, bà không chịu đựng được nữa nên bỏ về cha mẹ bà sống và làm đơn ly hôn ông X.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn ông X.

Về con chung: Bà và ông X có 2 con chung tên Nguyễn Anh Q, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2010 và Nguyễn Tổ S, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2015, các con hiện đang ở với bà; Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc X trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Kim A xác lập quan hệ vợ chồng năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Sau khi lấy nhau, ông và bà A sống chung với gia đình ông. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn với gia đình ông nên ông và bà A dọn ra sống riêng.

Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau, bà A bỏ về cha mẹ bà sống và làm đơn ly hôn ông.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn bà A mà xin trở về đoàn tụ.

Về con chung: Ông và bà A có 2 con chung tên Nguyễn Anh Q, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2010 và Nguyễn Tổ S, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2015, các con hiện đang ở với bà A; nếu Tòa giải quyết cho bà A ly hôn ông thì ông đồng ý giao cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật; về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim A đối với ông Nguyễn Ngọc X; giao các cháu Nguyễn Anh Q và Nguyễn Tố S cho bà A nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nghĩa vụ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Nguyễn Ngọc X có nơi cư trú tại huyện T và bà yêu cầu nhận nuôi con chung, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con. Đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tuy Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Ngọc X xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong theo giấy chứng nhận kết hôn số 31/2010, ngày 08/3/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

3. Về yêu cầu của bà A: bà A yêu cầu được ly hôn ông X vì mỗi lần vợ chồng cãi vã thì ông X đập phá đồ đạc trong nhà làm cho bà và các con đều sợ hãi, sự việc xảy ra thường xuyên nên bà và ông X mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau nữa. Đến tháng 4 năm 2019, bà không chịu đựng được nữa nên bỏ về cha mẹ bà sống và làm đơn ly hôn ông X, lời trình bày của bà A phù hợp với nội dung xác minh tại khu phố nơi ông bà sinh sống nên có cơ sở khẳng định ông X đã có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân của ông bà vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông X theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: bà A và ông X có 2 con chung tên Nguyễn Anh Q, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2010 và Nguyễn Tố S, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2015, các con hiện đang ở với bà A.

Bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà A không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con. Ông X cũng thống nhất với ý kiến của bà A nên công nhận

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim A đối với ông Nguyễn Ngọc X; Bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn ông Nguyễn Ngọc X.

Về con chung: Bà A và ông X có 2 con chung tên Nguyễn Anh Q, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2010 và Nguyễn Tố S, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2015, các con hiện đang ở với bà A.

Giao cho bà A được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bà A không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0026052 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, nên không hoàn lại cho bà tiền tạm ứng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/7/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn Liên Hương;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Hoàn Kiếm